

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 132/2025/HS-ST
Ngày 29 - 12 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Lệ
- Ông Trần Sơn Thạch

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 12 năm 2025 và 29 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 96/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Vĩnh L, sinh ngày 16/12/1982 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: 80 – H H, phường B, thành phố H; Chỗ ở: Số E, đường L, phường B, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1961 và bà Phạm Bích L1, sinh năm 1960; bị cáo có vợ là Võ Ngọc Linh G, sinh năm 1989 và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trương Kim N, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Khu phố B H, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

- Bà Bùi Thị Ngọc Y, sinh năm 1993

Nơi cư trú: 2 đường B khu phố G, phường B, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Vĩnh L là bạn của bà Trương Kim N và bà Bùi Thị Ngọc Y. Do có nhu cầu vay vốn để đầu tư, kinh doanh và biết L có nguồn tiền nhàn rỗi nên bà N và Y đã liên hệ để vay tiền của L. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2024 đến tháng 10/2024, L đã cho bà N và bà Y vay tiền với mức lãi suất từ 9%/ tháng đến 12%/ tháng tương đương 108%/năm đến 144%/năm, cao gấp 5,4 lần đến 7,2 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự cụ thể như sau:

Đối với bà Trương Kim N:

Đầu tháng 4/2024, bà N liên hệ với Nguyễn Vĩnh L để vay tiền, L đồng ý. Ngày 04/4/2024, L sử dụng tài khoản số 631704066668686 ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V) và tài khoản số 0651000395979 ngân hàng Thương mại Cổ phần A để chuyển cho bà N vay số tiền 900.000.000 đồng đến số tài khoản 1022721252 ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 (V1) của bà N. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 10.5%/tháng tương đương số tiền 94.500.000 đồng/tháng. Nếu bà N không trả được tiền gốc khi hết hạn 01 tháng thì hàng tháng tiếp tục phải chuyển tiền lãi 10,5% trên khoản tiền gốc 900.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết số tiền gốc đã vay cho L.

Ngày 10/4/2024, L tiếp tục sử dụng tài khoản số 0651000395979 Ngân hàng Thương mại Cổ phần A để chuyển 200.000.000 đồng cho bà N vay tiền. Đối với khoản vay này, L và bà N thỏa thuận lãi suất 12%/tháng, tương đương với tiền lãi suất là 24.000.000 đồng. Hàng tháng, bà N chuyển khoản tiền lãi đối với cả hai khoản vay trên với tổng số tiền lãi là 118.500.000 đồng. Từ tháng 5/2024 đến ngày 09/01/2025, bà N đã đóng tiền lãi cho L 09 tháng với tổng số tiền 1.066.500.000 đồng. Từ cuối tháng 1/2025 đến tháng 7/2025, do việc làm ăn gặp khó khăn nên bà N không đóng tiền lãi cho L theo thỏa thuận mà chỉ chuyển được tổng số tiền 275.000.000 đồng theo nhiều đợt khác nhau. Đối với tiền gốc 1.100.000.000 đồng, bà N vẫn chưa trả lại cho L.

Ngày 25/7/2025 bà N có đơn tố cáo hành vi cho vay lãi nặng của Nguyễn Vĩnh L, ngày 06/8/2025 Cơ quan cảnh sát điều tra đã khởi tố hành vi cho vay lãi nặng của L, do đó ngày tội phạm bị phát hiện được xác định là ngày 06/8/2025, căn cứ bảng xác nhận quá trình vay trả giữa L và bà N xác định được như sau:

Đối với khoản vay 900.000.000 đồng, vay ngày 04/4/2024:

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 04/4/2024 đến ngày 06/8/2025 là $900.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 16 \text{ tháng} \div 12 \text{ tháng} = 240.000.000 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thỏa thuận của các bên tính từ ngày 04/4/2024 đến ngày 06/8/2025 là $900.000.000 \text{ đồng} \times 10,5\%/tháng \times 16 \text{ tháng} = 1.512.000.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm tiền chênh lệch giữa lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 1.272.000.000 đồng.

Đối với khoản vay 200.000.000 đồng, vay ngày 10/4/2024:

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 10/4/2024 đến ngày 06/8/2025 là $200.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 15 \text{ tháng} 26 \text{ ngày} = 52.888.889 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thỏa thuận của các bên tính từ ngày 10/4/2024 đến ngày 06/8/2025 là $200.000.000 \text{ đồng} \times 12\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} 26 \text{ ngày} = 380.800.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm tiền chênh lệch giữa lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 327.911.111 đồng.

Tổng số tiền lãi thực tế L đã nhận từ 02 khoản vay của bà N là 1.341.500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính của 02 khoản vay được xác định để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Vĩnh L là 1.605.211.111 đồng; số tiền thu lợi bất chính thực tế L đã nhận từ bà N là 1.047.611.111 đồng.

Đối với bà Bùi Thị Ngọc Y:

Nguyễn Vĩnh L đã cho bà Bùi Thị Ngọc Y vay tổng số tiền 1.100.000.000 đồng, trong đó: Khoản vay 300.000.000 đồng, thời gian vay từ tháng 20/4/2024 đến tháng 09/4/2025, lãi suất 9%/tháng (gấp 5,4 lần mức lãi suất theo quy định); khoản vay 400.000.000 đồng, thời gian vay từ tháng 18/6/2024 đến tháng 09/4/2025, lãi suất 10,5%/tháng (gấp 6,3 lần mức lãi suất theo quy định) và khoản vay 400.000.000 đồng, thời gian vay từ tháng 27/10/2024 đến tháng 09/4/2025, lãi suất 12%/tháng (gấp 7,2 lần mức lãi suất theo quy định).

Đến ngày 09/4/2025, do bà Y không có khả năng thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận ban đầu cho L nên giữa L và bà Y đã thỏa thuận lập Hợp đồng vay số tiền 1.100.000.000 đồng tại Văn phòng C, thỏa thuận lãi suất không quá 20%/năm. Do đó ngày tội phạm kết thúc được xác định là ngày 09/4/2025, căn cứ bảng xác nhận quá trình vay trả giữa L và bà Y xác định được như sau:

Đối với khoản vay 300.000.000 đồng, vay ngày 20/4/2024, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tức 9%/tháng. Đến tháng 4/2025, bà Y đã trả cho L số tiền lãi đối với khoản vay này là 183.600.000 đồng; như vậy:

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 20/4/2024 đến ngày 09/4/2025 là $300.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 11 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} = 58.166.167 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thỏa thuận của các bên tính từ ngày 20/4/2024 đến ngày 09/4/2025 là $300.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} = 314.100.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm tiền chênh lệch giữa lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 255.933.833 đồng. Số tiền thu lợi bất chính thực tế từ khoản vay trên là 125.433.833 đồng.

Đối với khoản vay 400.000.000 đồng, vay ngày 18/6/2024, thỏa thuận lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tức 10,5%/tháng. Đến tháng 4/2025, Y đã trả L số tiền lãi đối với khoản vay này là 210.000.000 đồng, như vậy:

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 18/6/2024 đến ngày 09/4/2025 là $400.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 09 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} = 64.888.889 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thoả thuận của các bên tính từ ngày 18/6/2024 đến ngày 09/4/2025 là $400.000.000 \text{ đồng} \times 10,5\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} = 408.800.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 343.911.111 đồng. Số tiền thu lợi bất chính thực tế từ khoản vay trên là 145.111.111 đồng.

Đối với khoản vay 400.000.000 đồng, vay ngày 27/10/2024, thoả thuận lãi suất 4000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tức 0,4%/ngày, tương đương 12%/tháng. Đến tháng 4/2025, Y đã trả L số tiền lãi đối với khoản vay này là 88.000.000 đồng, như vậy:

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 27/10/2024 đến ngày 09/4/2025 là $400.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 05 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} = 36.000.000 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thoả thuận của các bên tính từ ngày 27/10/2024 đến ngày 09/4/2025 là $400.000.000 \text{ đồng} \times 12\%/\text{tháng} \times 05 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} = 259.200.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm tiền chênh lệch giữa lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 223.200.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính thực tế từ khoản vay trên là 52.000.000 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của 03 khoản vay được xác định để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Vĩnh L là 982.100.000 đồng; số tiền thu lợi bất chính thực tế L đã nhận từ bà Y đối với 03 khoản vay là 322.544.944 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Vĩnh L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về xử lý vật chứng: Số tiền 1.186.800.000 đồng (thu giữ trong quá trình khám xét nhà L và do ông Nguyễn Minh Đ – cha của L tự nguyện giao nộp để nộp lại số tiền thu lợi bất chính) đã được chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12- thành phố Hồ Chí Minh lưu giữ chờ xử lý.

Về phần dân sự: Bà Trương Kim N, bà Bùi Thị Ngọc Y yêu cầu được nhận lại số tiền L đã thu lợi bất chính đối với các khoản vay.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-KV12 ngày 30 tháng 10 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Vĩnh L về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quyền công tố trình bày lời luận tội đã phân tích, đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra; phân tích nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Vĩnh L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 2 Điều 201; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Vĩnh L số tiền từ 250.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Do hình phạt chính đã đề xuất phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Nguyễn Vĩnh L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố và không có ý kiến gì về luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng:

Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật truy tố:

Lời khai nhận tội tại phiên tòa của Nguyễn Vĩnh L phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2024 đến tháng 8/2025, Nguyễn Vĩnh L đã có hành vi cho vay tiền với lãi suất cao, cụ thể:

Ngày 04/4/2024 Nguyễn Vĩnh L đã cho bà Trương Kim N vay số tiền 900.000.000 đồng, với mức lãi suất 10,5%/tháng tương đương 126%/năm, gấp 6,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự; Ngày 10/4/2024 Nguyễn Vĩnh L tiếp tục cho bà Trương Kim N vay số tiền 200.000.000 đồng, với mức lãi suất 12%/tháng tương đương 144%/năm, gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Trong thời gian từ tháng 4/2024 đến tháng 7/2025 bà Trương Kim N đã thanh toán cho L tổng số tiền lãi của 02 khoản vay là 1.341.500.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính thực tế L đã thu từ bà N là 1.047.611.111 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của 02 khoản vay được xác định để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Vĩnh L là 1.605.211.111 đồng.

Nguyễn Vĩnh L đã cho bà Bùi Thị Ngọc Y vay tổng số tiền 1.100.000.000 đồng, trong đó: Khoản vay 300.000.000 đồng, thời gian vay từ tháng 20/4/2024 đến tháng 09/4/2025, lãi suất 9%/tháng (gấp 5,4 lần mức lãi suất theo quy định); khoản vay 400.000.000 đồng, thời gian vay từ tháng 18/6/2024 đến tháng 09/4/2025, lãi suất 10,5%/tháng (gấp 6,3 lần mức lãi suất theo quy định) và khoản vay 400.000.000 đồng, thời gian vay từ tháng 27/10/2024 đến tháng 09/4/2025, lãi suất 12%/tháng (gấp 7,2 lần mức lãi suất theo quy định). Số tiền lãi thực tế L đã nhận của bà Y là 481.600.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính thực tế L đã nhận từ bà Y đối với 03 khoản vay là 322.544.944 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính của 03 khoản vay được xác định để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Vĩnh L là 982.100.000 đồng.

Như vậy, xác định được tổng số tiền Nguyễn Vĩnh L thu lợi bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các khoản vay của bà N, bà Y là 2.587.311.111 đồng;

Do đó hành vi của bị cáo Nguyễn Vĩnh L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự;

Như vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

[3.1]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo nhiều lần cho bà N, bà Y vay tiền với lãi suất cao do đó cần áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác được Ban chấp hành Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh B, Chủ tịch UBND tỉnh B tặng bằng khen; ngoài ra bị cáo còn tích cực tham gia các phong trào thiện nguyện tại địa phương. Do đó cần áp dụng quy định điểm s, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3.3]. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[4]. Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội và mức hình phạt:

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính tiền tệ, gây mất trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi, muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng nên đã cố ý thực hiện. Tuy nhiên, cần xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo và gia đình đã nộp số tiền 1.186.800.000 đồng tại Cơ quan cảnh sát điều tra để đảm bảo cho nghĩa vụ thi hành án. Do đó, áp dụng hình phạt chính là phạt tiền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo theo đề xuất của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Về biện pháp tư pháp:

[5.1]. Về số tiền thu lợi bất chính: Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP, bị cáo Nguyễn Vĩnh L phải trả lại cho những người vay số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thực tế thu, cụ thể như sau:

- Buộc Nguyễn Vĩnh L trả lại cho bà Trương Kim N số tiền 1.047.611.111 đồng.
- Buộc Nguyễn Vĩnh L trả lại cho bà Bùi Thị Ngọc Y số tiền 322.544.944 đồng.

[5.2]. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ – HĐTP, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với các khoản tiền bị cáo dùng để cho vay, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (gọi tắt là tiền lãi theo quy định pháp luật) mà người phạm tội đã thu của người vay, cụ thể:

Đối với khoản vay của bà Trương Kim N:

- Bị cáo Nguyễn Vĩnh L có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 293.888.889 đồng.
- Bà Trương Kim N có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.100.000.000 đồng.

Đối với khoản vay của Bùi Thị Ngọc Y:

- Bị cáo Nguyễn Vĩnh L có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 159.055.056 đồng
- Bà Bùi Thị Ngọc Y có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 1.100.000.000 đồng.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng: Cần tiếp tục tạm giữ số tiền 1.186.800.000 đồng do Nguyễn Vĩnh L đã nộp trong quá trình điều tra để đảm bảo cho nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

[8]. Về các vấn đề khác: Đối với hành vi L nhắn tin, gọi điện thoại đe dọa N, Y yêu cầu trả nợ: Qua điều tra xác định hành vi của L đã vi phạm điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực An ninh, trật tự, an toàn xã hội. Ngày 05/10/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ban hành Công văn số H6348/CSHS-CS2-Đ6 chuyển hồ sơ vụ việc có liên quan của L đến Công an phường B để xem xét, xử lý theo quy định.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải đóng án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Vĩnh L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

1. Áp dụng Khoản 2 Điều 201; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vĩnh L số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) nộp Ngân sách Nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp:

2.1. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với các khoản tiền bị cáo dùng cho vay, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà người phạm tội đã thu của người vay, cụ thể:

Đối với khoản vay của bà Trương Kim N:

- Buộc bị cáo Nguyễn Vĩnh L có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 293.888.889đ (hai trăm chín mươi ba triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng).

- Buộc bà Trương Kim N có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng).

Đối với khoản vay của Bùi Thị Ngọc Y:

- Buộc bị cáo Nguyễn Vĩnh L có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 159.055.056đ (một trăm năm mươi chín triệu không trăm năm mươi lăm nghìn không trăm năm mươi sáu đồng).

- Buộc bà Bùi Thị Ngọc Y có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng).

2.2. Về tiền thu lợi bất chính: Áp dụng quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo Nguyễn Vĩnh L phải trả lại cho những người vay số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thực tế thu, cụ thể như sau:

- Buộc Nguyễn Vĩnh L trả lại cho bà Trương Kim N số tiền 1.047.611.111đ (một tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm mười một nghìn một trăm mười một đồng).

- Buộc Nguyễn Vĩnh L trả lại cho bà Bùi Thị Ngọc Y số tiền 322.544.944đ (ba trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.186.800.000đ (một tỷ một trăm tám mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) do Nguyễn Vĩnh L đã nộp trong quá trình điều tra để đảm bảo cho nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Nguyễn Vĩnh L, theo biên lai thu tiền số 0010637 ngày 03/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về án phí Hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Vĩnh L phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

7. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 12 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng PV06 công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thu Hiền